

NGHỊ QUYẾT

**Quy định hỗ trợ luân chuyển, điều động cán bộ, công chức
trên địa bàn tỉnh Quảng Nam**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ MƯỜI LĂM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008; Luật sửa
đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25
tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng
12 năm 2016 quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; số
138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 quy định về tuyển dụng, sử dụng
và quản lý công chức; số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 quy định
về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở
thôn, tổ dân phố;*

*Xét Tờ trình số 4318/TTr-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định
hỗ trợ luân chuyển, điều động cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;
Báo cáo thẩm tra số 91/BC-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2023 của Ban pháp
ché Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân
tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định việc hỗ trợ đối với cán bộ, công chức được luân chuyển, điều
động để giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý ở các cơ quan trong hệ thống chính trị
thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cán bộ, công chức thuộc phạm vi quản lý của tỉnh được Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Thường vụ cấp ủy cấp huyện quyết định luân chuyển, điều động để giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tại các cơ quan trong hệ thống chính trị tỉnh Quảng Nam.

2. Không áp dụng đối với các trường hợp:

a) Cán bộ, công chức luân chuyển, điều động ở các cơ quan thuộc hệ thống ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh.

b) Cán bộ, công chức công tác ở Trung ương luân chuyển, điều động về tỉnh.

c) Cán bộ, công chức điều động, chuyển đổi vị trí công tác theo Quy định số 455-QĐ/TU ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

d) Cán bộ, công chức điều động do nhu cầu cá nhân, do không trùng cử chức danh bầu cử theo quy định, do sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã.

Điều 3. Hỗ trợ sinh hoạt phí

1. Từ tỉnh về huyện, thị xã, thành phố và ngược lại:

a) Từ tỉnh về các huyện miền núi cao (gồm: Tây Giang, Đông Giang, Nam Giang, Phước Sơn, Bắc Trà My, Nam Trà My) và ngược lại: 2.000.000 đồng/người/tháng.

b) Từ tỉnh về các huyện, thị xã, thành phố còn lại và ngược lại: 1.500.000 đồng/người/tháng.

2. Từ huyện, thị xã, thành phố này sang huyện, thị xã, thành phố khác:

a) Từ các huyện miền núi cao đến các huyện, thị xã, thành phố còn lại và ngược lại; từ huyện miền núi cao này sang huyện miền núi cao khác: 2.000.000 đồng/người/tháng.

b) Các địa phương còn lại: 1.500.000 đồng/người/tháng.

3. Từ huyện, thị xã, thành phố về xã, phường, thị trấn và ngược lại:

a) Từ huyện về xã, thị trấn và ngược lại ở các huyện miền núi cao; từ huyện, thành phố về các xã đảo và ngược lại: 1.000.000 đồng/người/tháng.

b) Từ huyện, thị xã, thành phố còn lại về xã, phường, thị trấn và ngược lại: 700.000 đồng/người/tháng.

4. Từ xã, phường, thị trấn này sang xã, phường, thị trấn khác:

a) Ở các huyện miền núi cao và các xã đảo thuộc các huyện, thành phố còn lại: 1.000.000 đồng/người/tháng.

b) Ở các huyện, thị xã, thành phố còn lại: 700.000 đồng/người/tháng.

Điều 4. Hỗ trợ ổn định chỗ ở

1. Từ tỉnh về huyện, thị xã, thành phố và ngược lại; từ huyện, thị xã, thành phố này sang huyện, thị xã, thành phố khác: 2.000.000 đồng/người/tháng.

2. Từ huyện, thị xã, thành phố về xã, phường, thị trấn và ngược lại; từ xã, phường, thị trấn này sang xã, phường, thị trấn khác: 1.500.000 đồng/người/tháng.

Điều 5. Thời gian hưởng hỗ trợ và một số quy định khác

1. Thời gian hưởng hỗ trợ: Tối đa 36 tháng.

a) Cán bộ luân chuyển được cấp có thẩm quyền quyết định bố trí ổn định công tác tại địa phương, đơn vị nơi đến thì không còn xem là cán bộ luân chuyển và không được hưởng hỗ trợ kể từ ngày quyết định có hiệu lực thi hành.

b) Cán bộ, công chức được luân chuyển, điều động trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực, hiện vẫn đang công tác tại vị trí được luân chuyển, điều động đến thì được hưởng hỗ trợ kể từ ngày Nghị quyết có hiệu lực thi hành trong thời gian luân chuyển, điều động còn lại nhưng tối đa không quá 36 tháng.

2. Cán bộ, công chức luân chuyển, điều động đã được cơ quan, đơn vị nơi đến bố trí nhà ở công vụ hoặc đã có nhà ở của cá nhân tại địa phương nơi đến công tác thì không được hưởng hỗ trợ ổn định chỗ ở.

3. Cán bộ, công chức luân chuyển, điều động là nữ, là người đồng bào dân tộc thiểu số ngoài chính sách hỗ trợ quy định tại các Điều 3, 4 Nghị quyết này được hỗ trợ thêm tiền sinh hoạt phí với mức 300.000 đồng/người/tháng. Trường hợp một đối tượng vừa là nữ vừa là người đồng bào dân tộc thiểu số thì được hưởng 600.000 đồng/người/tháng.

4. Cán bộ, công chức luân chuyển, điều động thuộc đối tượng áp dụng của Nghị quyết này; đồng thời, thuộc đối tượng áp dụng chính sách cùng loại quy định tại văn bản quy phạm pháp luật khác thì chỉ được hưởng mức hỗ trợ cao nhất.

Điều 6. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn ngân sách địa phương theo phân cấp ngân sách hiện hành. Cấp quyết định luân chuyển, điều động thì cấp đó đảm bảo kinh phí thực hiện.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

b) Chỉ đạo tuyên truyền, phổ biến chính sách tạo sự đồng thuận khi triển khai thực hiện; thường xuyên kiểm tra, theo dõi kết quả thực hiện.

c) Định kỳ hằng năm báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện Nghị quyết. Sau 03 năm triển khai thực hiện, tổ chức tổng kết đánh giá, rút ra những ưu điểm, làm rõ những hạn chế, vướng mắc, khó khăn (nếu có), tổng hợp trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam khóa X, kỳ họp thứ mười lăm thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2023./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Chính phủ;
- VP: QH, CTN, CP;
- Ban CTĐB - UBND tỉnh;
- Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- BTV Tỉnh ủy, TT HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- TTXVN tại Quảng Nam;
- Báo Quảng Nam; Đài PT-TH tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH

Phan Việt Cường